

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2022.

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa bà V và ông T*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Khánh.

2. Bà Quảng Thị Đức Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị V, sinh năm 1976.

- **Bị đơn:** Ông Đinh Văn T1, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Số nhà 97, đường Lê D, khu phố 4, thị trấn T2, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – Bà Trần Thị V xin xét xử vắng mặt. Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-3-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, bà V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đinh Văn T1 lấy nhau năm 1993, đến ngày 11/9/2001 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T2. Thời gian vợ chồng sống hòa thuận, vài năm trở lại đây bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên hay tranh cãi, ông T1 uống rượu bia nhiều lần đánh đập, hăm dọa giết bà. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà xin ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Đinh Văn H, sinh ngày 04/3/1997, Đinh Thị Thu T3, sinh ngày 24/8/1998 và Đinh Thị Minh T4, sinh ngày 12/10/2004. Khi ly hôn, bà xin được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T4, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Đinh Văn T1 vắng mặt, quá trình tham gia tố tụng ông trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị V sau một thời gian tìm hiểu đã tiến đến hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/9/2001 tại UBND xã T2 (nay là thị trấn T2), huyện Ninh Sơn, theo Giấy đăng ký kết hôn số 63, quyền số I/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại khu phố 4, thị trấn T2, huyện N đến nay. Thời gian vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng bắt đầu từ năm 2017, vợ chồng bất đồng, không còn tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã, tuy vẫn còn sống chung nhưng tình cảm không thể hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà V.

- Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Đinh Văn H, sinh năm 1997, Đinh Thị Thu T3, sinh năm 1998, Đinh Thị Minh T4, sinh năm 2004. Cháu H và cháu T3 đều đã trưởng thành và có việc làm, tự nuôi sống mình được nên khi ly hôn ông không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu T4 còn đi học, ông đồng ý giao cho bà V chăm sóc, nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, số nợ chung: Tự thỏa thuận phân chia.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân của bà V1 và ông T1 đã mâu thuẫn trầm trọng. Nay bà V xin giải quyết cho ly hôn với ông T1, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà V được ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Giao con chung là Đinh Thị Minh T4, sinh ngày 12/10/2004, cho bà V nuôi dưỡng. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà V không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Bà V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà Trần Thị V khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đinh Văn T1 và giải quyết vấn đề con chung, không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn – Ông Đinh Văn T1 có địa chỉ cư trú tại khu phố 4, thị trấn T2, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Xử lý về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn – Bà Trần Thị V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn – ông Đinh Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị V và ông Đinh Văn T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Sơn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 63, quyển số I/2001 ngày 11/9/2001. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, ông bà đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn nên đều đồng ý để Tòa án giải quyết cho ly hôn. Cháu Đinh Thị Minh T4 – con chung của ông bà cũng thừa nhận cha mẹ hay cãi vã, thỉnh thoảng cha có đánh đập và xúc phạm mẹ. Xác minh tại địa phương cũng thể hiện ông bà tuy còn sống chung nhưng thường xuyên cãi vã, tình cảm không thể hàn gắn.

Từ những phân tích trên, đủ cơ sở kết luận: Hôn nhân giữa bà V và ông T1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T1 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Bà V và ông T1 có 03 con chung là Đinh Văn H, sinh ngày 04/3/1997, Đinh Thị Thu T3, sinh ngày 24/8/1998 và Đinh Thị Minh T4, sinh ngày 12/10/2004. Khi

ly hôn, bà V và ông T1 đều đồng ý để bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T4, ông T1 không cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản trình bày ý kiến, cháu T4 cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ và không yêu cầu cha cấp dưỡng. Xét ý kiến của các đương sự, nguyện vọng của con chung và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận ý kiến của bà V, tiếp tục giao cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T4. Bà V và cháu T4 không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:*

Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[3] **Về án phí:**

Bà Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] **Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:**

Bà Trần Thị V và ông Đinh Văn T1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa bà Trần Thị V, sinh năm 1976 và ông Đinh Văn T1, sinh năm 1972.

- *Về nuôi con chung:* Giao cháu Đinh Thị Minh T4, sinh ngày 12/10/2004 cho bà Trần Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Ông Đinh Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0005848 ngày 25/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Bà Trần Thị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn – bà Trần Thị V và Bị đơn – ông Đinh Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- UBND thị trấn T2;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Thị Thùy Dung